

Số: 29/2018/QĐST-HNGĐ

Thuận Nam, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2018/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Kiều Thị Như T – sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Anh Trần Cao C – sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Kiều Thị Như T và anh Trần Cao C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị Như T và anh Trần Cao C tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Kiều Thị Như T và anh Trần Cao C tự thỏa thuận giao chị Kiều Thị Như T được quyền nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Hảo K – sinh ngày 24/4/2014. Anh Trần Cao C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Hảo K với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con chung Trần Hảo K đủ 18 tuổi, lao động được. Chị Kiều Thị Như T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Cao C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ

quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kiều Thị Như T và anh Trần Cao C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Kiều Thị Như T và anh Trần Cao C tự thỏa thuận chị Kiều Thị Như T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) (Trong đó bao gồm 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí về ly hôn và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí về cấp dưỡng nuôi con – chị Kiều Thị Như T tự nguyện chịu thay cho anh Trần Cao C). Nhưng tính trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Kiều Thị Như T đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011139 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Chị Kiều Thị Như T và anh Trần Cao C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã P (GCNKH số 12/2014, Quyết số 01/2014 ngày 28/01/2014);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thức

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐST-HNGĐ

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng.....năm....., giữa⁽²⁾:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.....tháng.....năm

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.... tháng..... năm là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ⁽³⁾

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: ⁽⁴⁾

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).

